

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 2 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ hồ sơ đăng ký chỉ định/giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế, Biên bản kiểm tra, đánh giá giao nhiệm vụ cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu ngày 06/04/2022 và văn bản số 213/TGD-KT ngày 19/4/2022 của Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh về việc báo cáo hành động khắc phục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 80 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế.

Điều 2. Phạm vi sản phẩm, hàng hóa được giao kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu; Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được công nhận/chỉ định theo Phụ lục ban hành kèm Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) (để phối hợp);
- Các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và PTNT (để biết);
- UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW (để biết);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TW (để biết);
- Lưu: VT, ATTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Tuyên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. Danh mục sản phẩm hàng hóa được giao kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Thực phẩm chức năng	
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm	
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
5	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó
6	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

II. Chỉ tiêu kiểm nghiệm được công nhận/chỉ định

Các chỉ tiêu kiểm nghiệm được công nhận/chỉ định chỉ áp dụng với các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Y tế. Đối với các chỉ tiêu kiểm nghiệm khác, Công ty phải ký hợp đồng phụ với đơn vị có các chỉ tiêu được công nhận hoặc chỉ định.

TT	Tên chỉ tiêu	Loại sản phẩm	Phương pháp
A.	Lĩnh vực vi sinh		
1.	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch. Phần 1: Đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C, bằng kỹ thuật pháp đổ đĩa (Tổng số vi khuẩn hiếu khí)	Thực phẩm	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)

TT	Tên chỉ tiêu	Loại sản phẩm	Phương pháp
	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch. Phần 2: Đếm khuẩn lạc ở 30°C, bằng kỹ thuật cấy bề mặt (Tổng số vi khuẩn hiếu khí)	Thực phẩm	TCVN 4884-2:2015 (ISO 4833:2013) Đính chính kỹ thuật 1:2014)
2.	Định lượng nấm men và nấm mốc. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc (Sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95)		TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)
	Định lượng nấm men và nấm mốc. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc (Sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn 0,95)		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
3.	Định lượng Coliform. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
4.	Phát hiện và định lượng Coliform. Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)
5.	Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza. Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl β -D-glucuronide		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
6.	Phát hiện và định lượng <i>Escherichia coli</i> giả định Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất.		TCVN 6846:2007 (ISO 7251:2005)
7.	Định lượng <i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với Coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch. Phần 1: kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-parker		TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:2003)
8.	Định lượng <i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với Coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch. Phần 3: Phát hiện và dùng kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN).		TCVN 4830-3:2005 (ISO 6888-3:2003)
9.	Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định trên đĩa thạch. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C		TCVN 4992:2005 (ISO 7932: 2004)

TT	Tên chỉ tiêu	Loại sản phẩm	Phương pháp
10.	Phát hiện và định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định. Kỹ thuật phát hiện và đếm số có xác suất lớn nhất	Thực phẩm	TCVN 7903:2008 (ISO 21871: 2013)
11.	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> trên đĩa thạch. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
12.	Phát hiện <i>Salmonella spp.</i>		TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
13.	Phát hiện và định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Phần 1: Phát hiện và định lượng bằng kỹ thuật MPN có tiền tăng sinh.		TCVN 5518-1:2007 (ISO 21528-1:2004)
14.	Phát hiện và định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 5518-2:2007 (ISO 21528-2:2004)
15.	Phát hiện <i>Vibrio spp.</i> có khả năng gây bệnh đường ruột. Phần 1: Phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i>		TCVN 7905-1:2008 (ISO/TS 21872-1:2007)
16.	Phát hiện và đếm khuẩn đường ruột – Phần 2: phương pháp lọc màng (<i>Enterococci, Streptococcus faecalis</i>)	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền	TCVN 6189-2 : 2009 (ISO 7899-2 : 2000)
17.	Phát hiện và đếm <i>Pseudomonas aeruginosa</i> - Phương pháp màng lọc		TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)
18.	Phát hiện và đếm <i>Escherichia coli</i> và vi khuẩn Coliform – Phần 1: phương pháp lọc màng		TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
19.	Phát hiện và đếm số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (<i>Clostridia</i>) – Phần 2: phương pháp màng lọc		TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)
B. Lĩnh vực hoá lý			
20.	Xác định hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), Asen (As)	Nước khoáng thiên nhiên đóng chai	PP 01-AAS-TT2 (Ref. AOAC 974.27)
21.	Xác định hàm lượng thủy ngân (Hg)		PP 01-AAS-TT2 AOAC 977.22
22.	Xác định tổng số canxi và magie		TCVN 6224:1996 AOAC 973.52

TT	Tên chỉ tiêu	Loại sản phẩm	Phương pháp
23.	Xác định hàm lượng clorua	Nước khoáng thiên nhiên đóng chai	TCVN 6194:1996
24.	Xác định hàm lượng sunfat		TCVN 6200:1996
25.	Xác định pH		TCVN 6492:2011 AOAC 973.41
26.	Xác định hàm lượng sắt		TCVN 6177:1996
27.	Xác định hàm lượng silic		SMEWW 4500C-2012
28.	Xác định hàm lượng amoni		TCVN 5988:1995
29.	Xác định hàm lượng phenol		TCVN 6216:1996
30.	Xác định hàm lượng zearalenone Phương pháp sắc ký lỏng đầu dò huỳnh quang	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung	PP 3.3.1 HPLC-TT2 Ref. TCVN 9591:2013 Ref. TCVN 10640:2014
31.	Xác định hàm lượng vitamin A Phương pháp HPLC/UV	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	AOAC 2001.13
32.	Xác định hàm lượng vitamin D3 Phương pháp HPLC/UV		AOAC 992.26
33.	Xác định hàm lượng vitamin E Phương pháp HPLC/UV		AOAC 992.03
34.	Định tính và định lượng saccharin	Chất tạo ngọt và điều vị trong chế biến thực phẩm	TCVN 6463:2008 AOAC 941.10
35.	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: 4,4-DDT; 4,4-DDE; p,p-DDD; o,p-DDT, Aldrine; γ BHC(Lindan); α BHC; β BHC; δ BHC, Heptachlor; Chlordan; Dieldrine; alpha-Endosulfan; Beta-Endosulfan; Endrine; Endrine Aldehyde, Endosulfan sulphate; Methoxychlor Phương pháp sắc ký khí đầu dò ECD	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung	PP 4.2 GC-TT2 (Ref. AOAC 2007.01)

TT	Tên chỉ tiêu	Loại sản phẩm	Phương pháp
36.	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: <i>Chlorpyrifos; Chlorfenvifos; Diazinon; Dimethoat; Dimeton; Disulfoton; Ethion; Ethyl parathion; Fenthion; Malathion; Menvifos; Parathion-Methyl; Paraoxon methyl</i> Phương pháp GC/ECD	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung	PP 4.2 GC-TT2 (Ref. AOAC 2007.01)
37.	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: <i>Bifenthrin, Cyfluthrin, Cypermethrin, Deltamethrin, Fenvalerate, Permethrin, Pheroethrin</i> Phương pháp GC/ECD		PP 4.2 GC-TT2 (Ref. AOAC 2007.01)
38.	Xác định hàm lượng Pb Phương pháp quang phổ hấp thụ ngọn lửa AAS lò Graphite	Thực phẩm	PP 17-AAS-TT2
39.	Xác định hàm lượng cadimi (Cd) Phương pháp quang phổ hấp thụ ngọn lửa AAS lò Graphite		PP 17-AAS-TT2
40.	Xác định hàm lượng thiếc (Sn) Phương pháp ICP-OES		PP 23-ICP-TT2
41.	Xác định hàm lượng asen (As) Phương pháp quang phổ hấp thụ ngọn lửa AAS kỹ thuật tạo hydrua		PP 17-AAS-TT2 AOAC 986.15
42.	Xác định hàm lượng thủy ngân (Hg) Phương pháp quang phổ hấp thụ ngọn lửa AAS theo kỹ thuật hóa hơi lạnh		PP 17-AAS-TT2
43.	Xác định hàm lượng canxi (Ca), magie (Mg), kali (K), phospho (P), kẽm (Zn), sắt (Fe) Phương pháp ICP OES		AOAC 985.01